

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST
Ngày: 16-8-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh;
2. Ông Nguyễn Trọng Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2017/TLST-KDTM ngày 21/5/2017 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-KDTM ngày 31/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn V; địa chỉ trụ sở: Khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông H. C. P. - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ T. T., sinh năm 1978, địa chỉ: đường N, phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy uỷ quyền số 02/2017/UQ-Pro ngày 17/4/2017); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn U; địa chỉ trụ sở: Ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Y. C. Y. - Chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2017 của nguyên đơn – Công ty TNHH V (Sau đây viết tắt là Công ty V) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng

như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Hồ T. Yêu cầu Tòa án giải quyết:

Từ ngày 15/7/2014 đến ngày 10/9/2014, Công ty TNHH U (Sau đây viết tắt là Công ty U) đặt hàng Công ty V thực hiện 5226 sản phẩm gia công, việc thực hiện đơn hàng trên, các bên không làm hợp đồng mà thực hiện theo phương thức: Công ty U có nhu cầu thì hỏi giá để Công ty V báo giá, nếu đồng ý với giá đã báo thì Công ty U gửi đơn đặt hàng để Công ty V thực hiện. Sau khi thực hiện xong thì Công ty V giao hàng thành từng đợt có xác nhận của Công ty U thì xuất hoá đơn yêu cầu thanh toán.

Công ty V đã xuất các hoá đơn giá trị gia tăng số 0000669 ngày 30/8/2014 với giá thành bao gồm thuế giá trị gia tăng là 232.179.174 đồng và hoá đơn giá trị gia tăng số 0000723 ngày 30/9/2014 với giá thành bao gồm thuế giá trị gia tăng là 55.359.348 đồng.

Việc giao nhận hàng đã được đại diện phía Công ty U xác nhận thông qua các giấy xác nhận giao hàng và bảng đối chiếu công nợ cuối tháng. Theo thoả thuận, việc thanh toán nợ được thực hiện sau đó 30 ngày kể từ ngày nhận hàng và hoá đơn tài chính. Tuy nhiên, Công ty U không thanh toán tiền nợ nên Công ty V khởi kiện ra Tòa án vào tháng 8/2016.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, Công ty U đã trả số tiền 56.419.890 đồng và đề nghị Công ty V rút đơn khởi kiện. Các bên lập biên bản thoả thuận ngày 21/10/2016, Công ty U (do ông L. S. P. đại diện) cam kết trả cho Công ty V số tiền 231.118.632 đồng, không yêu cầu tính lãi và thanh toán làm ba đợt, mỗi đợt trả 77.030.544 đồng.

Từ ngày thoả thuận nêu trên, Công ty U mới chỉ thanh toán cho Công ty V hai lần, mỗi lần 50.000.000 đồng vào các ngày 28/11/2016 và 28/12/2016. Còn nợ lại số tiền 131.118.632 đồng. Công ty U đã vi phạm nghiêm trọng thoả thuận nghiêm trọng tại Tòa án, cụ thể ước tính số nợ lãi như sau:

- Tiền lãi từ ngày 01/11/2014 đến ngày 01/8/2016: $287.538.522 \times 1\% \times 21 \text{ tháng}$
= 60.383.090 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 01/8/2016 đến ngày 28/11/2016: $231.118.632 \times 1\% \times 3 \text{ tháng}$
28 ngày = 9.090.666 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 28/11/2016 đến ngày 28/12/2016: $181.118.632 \times 1\%/\text{tháng}$ =
1.811.186 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 28/12/2016 đến ngày 28/04/2017: $131.118.632 \times 1\% \times 4 \text{ tháng}$
= 5.244.745 đồng.

Số tiền nợ lãi còn thiếu là 76.529.687 đồng.

Ngày 13/7/2017 Công ty U đã thanh toán số tiền 32.157.174 đồng.

Tại phiên tòa, công ty V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 32.157.174 đồng.

Công ty V yêu cầu Tòa án buộc Công ty U thanh toán số tiền còn nợ là 175.491.145 đồng (bao gồm 98.961.458 đồng tiền gốc và 76.529.687 đồng tiền lãi).

Bị đơn - Công ty U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp và phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Do bị đơn Công ty U vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giao dịch mua bán giữa các bên nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn – Công ty U tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp và tham gia phiên tòa nhưng Công ty U vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] - Về nội dung vụ án:

[4] Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 32.157.174 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện giữa Công ty V với Công ty U có việc mua bán hàng hóa và tổng số tiền mà Công ty U phải thanh toán cho Công ty V là 287.538.522 đồng. Công ty U đã thanh toán cho Công ty V tổng số tiền là 188.577.064 đồng, cụ thể:

[6] Lần 1: Số tiền 56.419.890 đồng vào tháng 8/2016;

[7] Lần 2: Số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 28/11/2016;

[8] Lần 3: Số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 28/12/2016;

[9] Lần 4: Số tiền 32.157.174 đồng vào ngày 13/7/2017.

[10] Công ty U còn nợ lại số tiền 98.961.458 đồng.

[11] Nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với toàn bộ thời gian chậm trả của bị đơn từ ngày 01/11/2014 với lãi suất 1% tháng tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm trả, tổng cộng 76.529.687 đồng. HĐXX xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán 1%/tháng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[12] Từ những nhận định trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V đối với yêu cầu Công ty U phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc 98.961.458 đồng và tiền lãi tổng cộng 76.529.687 đồng.

[13] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 147, 227, khoản 3 Điều 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, 34, 50, 55, 306 của Luật Thương mại 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc buộc Công ty TNHH U phải thanh toán số tiền 32.157.174 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V.

Công ty TNHH U phải thanh toán cho Công ty TNHH V 175.491.145 đồng (bao gồm 98.961.458 đồng tiền gốc và 76.529.687 đồng tiền lãi).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH U phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 8.774.557 đồng

- Trả lại cho Công ty TNHH V số tiền tạm ứng án phí 5.195.059 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0005466 ngày 30/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nếu vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Trúc

